



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO
DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/05/2020.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/12/2006 với mã chứng khoán là EBS.

Vốn điều lệ: 102.194.840.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2021: 102.194.840.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 26%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0243.7925308
Fax: (84) 0243.7925309
- Website: www.sachgiaoduchanoi.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2021 là 39 người, trong đó, cán bộ quản lý là 11 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|--------------|--------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Ông Ngô Anh Phương | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2020 |
| • Bà Lâm Quỳnh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Ngô Phương Anh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Ông Tô Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17/04/2020 |
| • Ông Trần Văn Quế | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Lý Thúy Lan | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2020 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02/09/2019 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Đặng Thị Như | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27/04/2021 |
| • Bà Nguyễn Thị Hoa | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 27/04/2021 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 567/2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 29/03/2022 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2021 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Đinh Thị Ngọc Thùy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.569.276.164	109.611.712.953
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.663.522.675	7.024.062.570
1. Tiền	111	5	7.663.522.675	7.024.062.570
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.104.094.042
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	1.104.094.042
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.048.610.262	85.989.145.082
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	36.924.916.207	33.934.929.802
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	689.595.180	1.258.917.110
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	61.072.786.802	56.700.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	1.540.840.900	1.312.683.421
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(9.179.528.827)	(7.217.385.251)
IV. Hàng tồn kho	140	11	12.857.143.227	15.350.587.463
1. Hàng tồn kho	141		15.125.983.232	19.370.823.352
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.268.840.005)	(4.020.235.889)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	143.823.796
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	-	143.823.796
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.758.208.482	32.572.314.293
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.054.906.812	3.920.238.518
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	4.054.906.812	3.920.238.518
II. Tài sản cố định	220		285.073.423	1.018.770.190
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	285.073.423	1.018.770.190
- Nguyên giá	222		5.958.523.482	5.958.523.482
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.673.450.059)	(4.939.753.292)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		63.000.000	63.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.000.000)	(63.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.735.000.000	17.506.367.544
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	12.585.000.000	12.585.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	2.400.000.000	2.400.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	2.750.000.000	2.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	-	(228.632.456)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.683.228.247	10.126.938.041
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	9.683.228.247	10.126.938.041
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		143.327.484.646	142.184.027.246

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.625.108.840	16.219.979.295
I. Nợ ngắn hạn	310		16.579.108.840	16.173.979.295
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	10.326.937.234	9.221.036.238
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		954.821.403	154.593.802
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	252.601.019	988.797.358
4. Phải trả người lao động	314		3.526.860.415	3.487.813.279
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.033.930.300	1.661.896.828
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	242.629.498	431.603.903
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		241.328.971	228.237.887
II. Nợ dài hạn	330		46.000.000	46.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	46.000.000	46.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.702.375.806	125.964.047.951
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	126.702.375.806	125.964.047.951
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	669.277.482	669.277.482
3. Cổ phiếu quỹ	415	20	(2.116.606.556)	(2.116.606.556)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	13.959.679.170	13.903.512.418
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	11.995.185.710	11.313.024.607
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	3.172.057.149	3.172.057.149
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	8.823.128.561	8.140.967.458
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		143.327.484.646	142.184.027.246

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ
HÀ NỘI
Đ. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Thanh Tùng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu



Nguyễn Linh Trang

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	97.003.832.785	100.679.040.020
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		208.859.920	228.963.820
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		96.794.972.865	100.450.076.200
4. Giá vốn hàng bán	11	22	72.967.995.511	82.612.719.182
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		23.826.977.354	17.837.357.018
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.315.804.765	12.454.696.860
7. Chi phí tài chính	22	24	27.064.442	200.982.862
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		247.247.237	162.716.071
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	13.686.138.497	13.122.387.107
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	8.361.464.640	7.501.116.529
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.068.114.540	9.467.567.380
11. Thu nhập khác	31	26	47.730.076	19.000.267
12. Chi phí khác	32	27	47.156.817	83.512.487
13. Lợi nhuận khác	40		573.259	(64.512.220)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.068.687.799	9.403.055.160
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.245.559.238	1.262.087.702
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.823.128.561	8.140.967.458



Nguyễn Thanh Tùng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Linh Trang

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.068.687.799	9.403.055.160
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13,14	733.696.767	890.542.002
- Các khoản dự phòng	03		(17.884.764)	4.058.094.429
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(7.301.544.583)	(2.971.565.836)
- Chi phí lãi vay	06	24	247.247.237	162.716.071
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		3.730.202.456	11.542.841.826
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.148.394.357)	24.029.214.045
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.244.840.120	9.122.191.080
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		733.979.909	(6.897.152.523)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		587.533.590	1.499.810.892
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		1.104.094.042	(1.104.094.042)
- Tiền lãi vay đã trả	14	24	(247.247.237)	(162.716.071)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(1.587.588.686)	(870.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	36.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(99.242.422)	(242.190.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.318.177.415	36.953.904.652
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(67.800.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	489.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	(58.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		627.213.198	37.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(12.585.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,23	6.666.448.692	2.746.480.989
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.293.661.890	(31.117.228.102)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		11.542.121.539	24.436.169.026
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.542.121.539)	(24.436.169.026)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19,24	(7.972.379.200)	(9.965.474.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.972.379.200)	(9.965.474.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		639.460.105	(4.128.797.450)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	7.024.062.570	11.152.860.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		7.663.522.675	7.024.062.570


Nguyễn Thanh Tùng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Linh Trang

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Trang 9

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 - DN
*Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/05/2020.

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 3 công ty con và 2 công ty liên kết đầu tư trực tiếp và gián tiếp, như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con				
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất điện	62,93%	62,93%
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An (i)	Áp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất điện	70,00%	44,05%
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam (i)	Áp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất điện	70,00%	44,05%
Các Công ty liên kết				
Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bản và phát hành sách	21,82%	21,82%
Công ty CP Đại Dương Solar (ii)	Áp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất điện	49,95%	31,43%

(i) Là các công ty con mà Công ty kiểm soát gián tiếp thông qua quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Năng Lượng EBS Solar Việt Nam

(ii) Là công ty liên kết mà Công ty có thể ảnh hưởng đáng kể một cách gián tiếp thông qua quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Năng Lượng EBS Solar Việt Nam

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các công ty con. Theo đó, năm 2021 Công ty lập đồng thời Báo cáo tài chính của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.2 Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí bản thảo phân bổ dài hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của hợp đồng căn cứ vào số lượng thực tế in và tỷ lệ thầu quy định.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong niên độ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ phản ánh khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với lịch block; 5% đối với các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm 2020 và năm 2021, Công ty được giảm 30% số thuế phải nộp do đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định 114/2020/NĐ-CP và Nghị định 92/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.19 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	18.113.809	10.102.744
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.645.408.866	7.013.959.826
Cộng	7.663.522.675	7.024.062.570

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	18.497.247.377	15.499.167.950
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	1.642.946.038	2.456.560.360
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	6.681.130.120	6.681.130.120
Các đối tượng khác	10.103.592.672	9.298.071.372
Cộng	36.924.916.207	33.934.929.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh	1.642.946.038	2.456.560.360
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	226.440.500	-
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	519.707.330	276.853.330
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	332.083.174	622.856.354
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	104.000.000	-
Công ty CP Sách & TBTH Hà Tây	Chung công ty đầu tư	1.189.222.450	896.351.090
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh	-	866.554.185
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Công ty con	-	253.000.000
Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	Công ty liên kết	18.497.247.377	15.499.167.950
Cộng		22.511.646.869	20.871.343.269

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	547.261.180	1.035.697.110
Các đối tượng khác	142.334.000	223.220.000
Cộng	689.595.180	1.258.917.110

Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư	547.261.180	1.035.697.110
Cộng		547.261.180	1.035.697.110

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam (bên liên quan)	61.072.786.802	56.700.000.000
Cộng	61.072.786.802	56.700.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	623.404.109	-
Tạm ứng	35.000.000	-	75.000.000	-
Phải thu tiền cổ tức được chia	1.258.500.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	46.549.983	-
Phải thu Nhà xuất bản GD Việt Nam	-	-	200.000.000	-
Phải thu khác	247.340.900	-	367.729.329	-
Cộng	1.540.840.900	-	1.312.683.421	-

b. Dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại TP. Hà Nội (*)	4.054.906.812	-	3.920.238.518	-
Cộng	4.054.906.812	-	3.920.238.518	-

(*) Góp vốn với Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và một số công ty khác thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010, Phụ lục số 01/2013/PLHĐGV ngày 01/11/2013, Phụ lục 01/2014/PLHĐGV ngày 01/07/2014, trong đó: Phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 25%. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí dự án. Đến thời điểm hiện tại, dự án chưa đi vào hoạt động, các bên thống nhất tìm đối tượng để chuyển nhượng dự án.

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	9.179.528.827	7.217.385.251
- Từ 3 năm trở lên	8.344.720.182	1.217.001.612
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	834.808.645	5.013.700.559
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	986.683.080
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-
Cộng	9.179.528.827	7.217.385.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	337.916.505	-	698.571.897	131.806.379
Chi phí SX, KD dở dang	7.584.586.253	-	9.932.199.369	-
Thành phẩm	6.209.781.250	2.080.936.487	7.642.310.631	3.725.464.724
Hàng hóa	993.699.224	187.903.518	1.097.741.455	162.964.786
Cộng	15.125.983.232	2.268.840.005	19.370.823.352	4.020.235.889

Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 31/12/2021.

12. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Phí bản thảo chế bản	-	143.823.796
Cộng	-	143.823.796

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí thuê kho tại khu CN Nam Thăng Long	323.863.639	732.954.546
Thuê dài hạn VP lô số D-2.1 dự án khu VP và nhà ở cao cấp Vinaconex (*)	9.080.544.487	9.332.199.295
Chi phí tổ chức bản thảo	267.023.996	-
Các khoản khác	11.796.125	61.784.200
Cộng	9.683.228.247	10.126.938.041

(*) Thuê dài hạn văn phòng theo Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17/09/2014 giữa Công ty và Công ty CP Xây dựng số 1 (Vinaconex 1); Thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2014; Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê với tổng số tiền đã thanh toán là 11.962.650.000 đồng (bao gồm 10% GTGT) vào năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	187.869.455	3.445.728.899	2.324.925.128	5.958.523.482
Mua sắm trong năm	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	187.869.455	3.445.728.899	2.324.925.128	5.958.523.482
Khấu hao				
Số đầu năm	103.747.691	2.881.984.479	1.954.021.122	4.939.753.292
Khấu hao trong năm	37.573.884	418.200.722	277.922.161	733.696.767
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	141.321.575	3.300.185.201	2.231.943.283	5.673.450.059
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	84.121.764	563.744.420	370.904.006	1.018.770.190
Số cuối năm	46.547.880	145.543.698	92.981.845	285.073.423

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 3.241.314.088 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình nào hiện đang cầm cố để đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021.

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	63.000.000	63.000.000
Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	63.000.000	63.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	63.000.000	63.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số cuối năm	63.000.000	63.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 63.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2021		01/01/2021		
Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc		Dự phòng	
Đầu tư vào Công ty con						
- Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	62,93%	1.258.500	12.585.000.000	-	12.585.000.000	57.482.456
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết						
- Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	21,82%	240.000	2.400.000.000	-	2.400.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty CP DV XB Giáo dục Hà Nội	3,00%	75.000	750.000.000	-	750.000.000	171.150.000
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	1,84%	200.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Cộng			17.735.000.000	-	17.735.000.000	228.632.456

Báo cáo tài chính gần nhất của các Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư này được ghi bằng giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	3.909.645.697	3.342.965.217
Công ty CP Hóa chất & Xơ sợi Maruni	2.139.040.213	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	924.490.030	779.528.400
Các đối tượng khác	3.353.761.294	5.098.542.621
Cộng	10.326.937.234	9.221.036.238

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	3.909.645.697	3.342.965.217
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	924.490.030	779.528.400
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	41.280.000	28.940.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	126.897.250
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	85.643.699	1.892.609.589
Cộng		4.961.059.426	6.170.940.456

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	25.757.366	41.076.988	64.875.114	-	1.959.240
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	507.762.686	1.245.559.238	1.587.588.686	-	165.733.238
Thuế thu nhập cá nhân	-	455.277.306	635.454.486	1.005.823.251	-	84.908.541
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí và lệ phí	-	-	34.016.323	34.016.323	-	-
Cộng	-	988.797.358	1.959.107.035	2.695.303.374	-	252.601.019

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Trích trước hoa hồng môi giới	1.018.250.300	1.642.135.908
Các khoản trích trước khác	15.680.000	19.760.920
Cộng	1.033.930.300	1.661.896.828

19. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	85.317.248	75.235.987
Cổ tức phải trả	24.900.690	24.812.690
Phải trả khác	132.411.560	331.555.226
Cộng	242.629.498	431.603.903

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền ký cược của các Nhà sách	46.000.000	46.000.000
Cộng	46.000.000	46.000.000

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2020	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	13.796.544.605	13.458.544.590
Tăng trong năm	-	-	-	106.967.813	8.140.967.458
Giảm trong năm	-	-	-	-	10.286.487.441
Số dư tại 31/12/2020	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	13.903.512.418	11.313.024.607
Số dư tại 01/01/2021	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	13.903.512.418	11.313.024.607
Tăng trong năm	-	-	-	56.166.752	8.823.128.561
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.140.967.458
Số dư tại 31/12/2021	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	13.959.679.170	11.995.185.710

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	25.911.000.000	25.911.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	73.744.840.000	73.744.840.000
Cổ phiếu quỹ	2.539.000.000	2.539.000.000
Cộng	102.194.840.000	102.194.840.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu phổ thông	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	253.900	253.900
- Cổ phiếu phổ thông	253.900	253.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu phổ thông	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	11.313.024.607	13.458.544.590
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	8.823.128.561	8.140.967.458
Phân phối lợi nhuận	8.140.967.458	10.286.487.441
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	8.140.967.458	10.286.487.441
- Trả cổ tức cho các cổ đông	7.972.467.200	9.965.584.000
- Quỹ đầu tư phát triển	56.166.752	106.967.813
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng BĐH	112.333.506	213.935.628
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	11.995.185.710	11.313.024.607

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/SGDHN ngày 26/04/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***e. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2021 đã thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2020 là 8%. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2021.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu sách tham khảo	93.476.609.995	97.997.215.848
Doanh thu thiết bị giáo dục	536.030.164	1.544.638.354
Doanh thu bán vật tư, khác	2.937.292.626	642.146.488
Doanh thu biên tập	53.900.000	495.039.330
Cộng	97.003.832.785	100.679.040.020

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn sách tham khảo	71.163.071.026	77.867.796.082
Giá vốn thiết bị giáo dục	411.775.220	1.042.789.695
Giá vốn văn phòng phẩm, khác	3.144.545.149	697.103.378
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.751.395.884)	3.005.030.027
Cộng	72.967.995.511	82.612.719.182

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.311.244.583	2.395.877.830
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.990.300.000	633.678.500
Lãi do mua bán chứng khoán	1.014.260.182	9.425.140.530
Cộng	8.315.804.765	12.454.696.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	247.247.237	162.716.071
Lỗ do mua bán chứng khoán	8.449.661	184.189.750
Chi phí mua bán chứng khoán	-	109.668.727
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(228.632.456)	(255.591.686)
Cộng	27.064.442	200.982.862

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm**

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên bán hàng	6.596.360.534	7.587.739.619
Chi phí hoa hồng môi giới	1.343.565.430	1.123.004.938
Chi phí vận chuyển sách, bốc xếp	574.537.789	423.245.591
Chi phí thuê kho	409.090.908	452.727.272
Chi phí khác	4.762.583.836	3.535.669.687
Cộng	13.686.138.497	13.122.387.107

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên quản lý	3.256.794.122	2.615.712.227
Khấu hao TSCĐ	475.205.658	568.005.913
Chi phí thuê kho	251.654.808	251.654.808
Chi phí khác	2.415.666.476	2.757.087.493
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.962.143.576	1.308.656.088
Cộng	8.361.464.640	7.501.116.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Cho thuê văn phòng	4.545.455	-
Thu từ thanh lý vật tư	34.069.090	-
Các khoản khác	9.115.531	19.000.267
Cộng	47.730.076	19.000.267

27. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Tiền phạt theo biên bản thanh tra thuế	35.087.752	-
Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	57.990.494
Các khoản khác	12.069.065	25.521.993
Cộng	47.156.817	83.512.487

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.068.687.799	9.403.055.160
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.742.021.810)	(388.143.004)
- Điều chỉnh tăng	248.278.190	245.535.496
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	213.190.438	245.535.496
+ Tiền phạt thuế, tiền phạt vi phạm hành chính	35.087.752	-
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	1.990.300.000	633.678.500
Tổng thu nhập chịu thuế	8.326.665.989	9.014.912.156
Thuế TNDN phải nộp	1.665.333.198	1.802.982.431
Thuế TNDN được giảm 30% theo các Nghị định của Chính phủ	499.599.959	540.894.729
Thuế TNDN còn phải nộp	1.165.733.238	1.262.087.702
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.245.559.238	1.262.087.702

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.165.733.238	1.262.087.702
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	79.826.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.149.061.758	22.784.982.815
Chi phí nhân công	9.853.154.656	10.203.451.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	733.696.767	890.542.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.866.606.057	42.243.392.950
Chi phí khác bằng tiền	3.969.449.726	3.890.990.011
Cộng	75.571.968.964	80.013.359.624

30. Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, ít phát sinh các khoản vay; hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Ngoài ra Công ty còn bán lẻ thu tiền ngay cho các khách lẻ thông qua cửa hàng. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.326.937.234	-	10.326.937.234
Chi phí phải trả	1.033.930.300	-	1.033.930.300
Phải trả khác	157.312.250	46.000.000	203.312.250
Cộng	11.518.179.784	46.000.000	11.564.179.784
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.221.036.238	-	9.221.036.238
Chi phí phải trả	1.661.896.828	-	1.661.896.828
Phải trả khác	356.367.916	46.000.000	402.367.916
Cộng	11.239.300.982	46.000.000	11.285.300.982

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.663.522.675	-	7.663.522.675
Đầu tư tài chính	-	2.750.000.000	2.750.000.000
Phải thu khách hàng	27.745.387.380	-	27.745.387.380
Phải thu về cho vay	61.072.786.802	-	61.072.786.802
Phải thu khác	1.505.840.900	4.054.906.812	5.560.747.712
Cộng	97.987.537.757	6.804.906.812	104.792.444.569
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.024.062.570	-	7.024.062.570
Đầu tư tài chính	1.104.094.042	2.578.850.000	3.682.944.042
Phải thu khách hàng	26.717.544.551	-	26.717.544.551
Phải thu về cho vay	56.700.000.000	-	56.700.000.000
Phải thu khác	1.237.683.421	3.920.238.518	5.157.921.939
Cộng	92.783.384.584	6.499.088.518	99.282.473.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Thông tin về các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBTH Hà Tây	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư CMC	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Phí đăng ký xuất bản	102.695.000	96.631.818
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Quản lý xuất bản	3.482.875.830	2.187.211.846
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Tổ chức bản thảo	4.794.575.600	4.541.046.359
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	10.548.215.550	7.135.747.960
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	377.598.322	921.876.154
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	198.725.000	460.849.750
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	Mua thiết bị	400.606.474	1.892.609.589
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Mua sách tham khảo	87.142.420	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách tham khảo	73.280.360	15.836.600
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Mua vật tư, phí bản quyền STK	12.960.250.000	20.128.043.816
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Tổ chức bản thảo	41.280.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
Bán hàng			
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách	1.238.578.120	792.044.880
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách	11.270.628.370	7.027.622.020
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	1.863.984.000	5.344.334.669
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	1.425.165.500	133.952.500
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách	242.854.000	1.598.453.330
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cung ứng sách	3.485.736.220	2.355.364.150
Công ty CP Sách & TBTH Hà Tây	Cung ứng sách	6.113.294.410	2.987.318.350
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Cung ứng sách	43.977.872.690	65.224.913.880
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Thanh lý xe	-	230.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách	716.692.610	-
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cung ứng sách	-	870.597.385
Giao dịch khác			
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Cho vay	5.000.000.000	56.700.000.000
	Thu tiền cho vay	627.213.198	-
	Lãi cho vay	5.304.566.612	623.404.109
	Cổ tức được chia	1.258.500.000	-
Công ty CP Đầu tư CMC	Thu tiền cho vay	-	14.000.000.000
	Lãi cho vay	-	726.817.369

c. Các giao dịch khác

Bên liên quan	Chức danh	Thu nhập, thù lao	Năm 2021	Năm 2020
Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	38.500.000	45.500.000
		Lương, thưởng	153.877.848	593.558.273
Ông Ngô Anh Phương	Phó chủ tịch HĐQT	Thù lao	30.800.000	36.400.000
Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên HĐQT	Thù lao	27.500.000	32.500.000
Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên HĐQT	Thù lao	27.500.000	32.500.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT	Thù lao	27.500.000	21.166.667
		Tổng Giám đốc	963.444.444	752.799.532
Ông Tô Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	Thù lao	27.500.000	32.500.000
Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	Thù lao	27.500.000	32.500.000

32. Sự kiện quan trọng trong năm ảnh hưởng đến báo cáo

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu sự ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp mạnh để ngăn chặn đại dịch như: hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách xã hội,... Do đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó đã có nhiều biện pháp chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý và điều hành kinh doanh Công ty với mục tiêu kép “vừa sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo phòng chống dịch” để kiểm soát tình hình, giảm thiểu các tác động tiêu cực, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định và phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 10/02/2022 Công ty đã có thông báo chốt danh sách cổ đông vào ngày 15/03/2022 để tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 8,5%, ngày thanh toán 29/04/2022.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải giải trình hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.


Tổng Giám đốc
NGUYỄN THANH TÙNG

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu



Nguyễn Linh Trang

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022